4TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2019
"V/v Ly hôn giữa chị Q
với anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Duy Diên
2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 12-7-2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979, (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Văn C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 12-10-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh T còn nghi ngờ chị quan hệ nam nữ bất chính dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô xát, anh T thường xuyên đánh đập chị. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà

giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 25-8-2000 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17-8-2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cháu Nguyễn Nhật M ở với anh T nhưng chị vẫn thường xuyên gửi tiền cho bố mẹ anh T nuôi các con ăn học; cháu Nguyễn Thị Vân A đến nay đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh, thu nhập trung bình của chị là 4.500.000 đồng/tháng nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị, trường hợp anh T cũng có nguyện vọng nuôi cháu Minh thì chị cũng đồng ý, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ gì ai.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Văn C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 12-10-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là có dư luận chị Q quan hệ nam nữ bất chính trong thời gian anh đi làm ăn ở trong miền Nam, vợ chồng thường xảy ra xô xát, do nóng tính nên anh hay đánh đập chị Q, do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2011 đến nay, nay chị Q khởi kiện xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn chị Q. Anh và chị Q có hai con chung (như trình bày của chị Q ở trên), con lớn là Nguyễn Thị Vân A đến nay đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M và yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7-2019 đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Ngoài ra anh yêu cầu chị Q phải thanh toán cho anh tiền anh một mình nuôi cả 02 con từ năm 2011 đến nay, đối với cháu Vân Anh là 45.000.000 đồng, đối với cháu Minh là 50.000.000 đồng. Anh và chị Q không có tài sản chung, không vay nợ gì ai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn là chị Q và bị đơn là anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Q được ly hôn anh T; giao cháu Nguyễn Nhật M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 7-2019 đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị Q thanh

toán cho anh tiền anh nuôi con trong thời kỳ hôn nhân. Về chia tài sản: Chị Q và anh T đều trình bày không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh T cư trú tại: Thôn Trần Xá, xã Văn C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Văn C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 12-10-21999, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, đến nay cả chị Q và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa chị Q và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Q và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 25-8-2000 và Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17-8-2009. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Vân A đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng; từ khi anh T và chị Q sống ly thân nhau đến nay, cháu Nguyễn Nhật M do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Minh có nguyện vọng được ở với anh T, vì vậy cần giao cháu Minh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và đặt trách nhiệm cho chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7-2019 đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, phù hợp với thu nhập của chị Q cũng như nhu cầu ăn ở, sinh hoạt và học tập của cháu Minh ở địa phương. Về yêu cầu của Tùng yêu cầu chị Q thanh toán cho anh tiền anh nuôi hai con một mình trong thời kỳ hôn nhân, xét thấy yêu cầu của anh T không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

[5] *Về chia tài sản*: Chị Q và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17-8-2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7-2019 đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi. Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005592 ngày 15-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, chị Q còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã Văn C;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà